

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ CẤP XÃ NHIỆM KỲ 2020 - 2025
(Kèm theo Đề án số 14-ĐA/TU, ngày 09/6/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu)

STT	Tên đảng bộ trực thuộc tỉnh	Tổng số hiện có	Giới tính		Dân tộc	Trình độ																										Tái cử			
			Văn hóa			Chuyên môn						LLCT			QLNN				Tin học				Ngoại ngữ												
			Tiểu học	THCS		THPT	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp, cử nhân	Chưa qua ĐT	Chuyên viên	Chuyên viên chính	Chuyên viên cao cấp	Chứng chỉ A, B, C	Ứng dụng CNTTCB	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Bậc 1 (tương đương)	Bậc 2 (tương đương)	Bậc 3 (tương đương)	Bậc 4 (tương đương)	Bậc 5 (tương đương)	Bậc 6 (tương đương)		Cao đẳng, Đại học		
I	Ban Chấp hành	1427	1107	320	1087	5	37	1385	36	3	192	17	1122	57		33	1176	180	274	1072	81		200	1112	7	10	2	95	726	118	5	2	1	8	1381
1	Huyện Than Uyên	152	116	36	102	1	1	150	1		4	4	135	8		2	121	26	14	129	9		27	110	2	5		20	94	7	1			2	149
2	Huyện Tân Uyên	128	89	39	79		1	127	3		2	1	115	7		4	103	20	12	105	11		2	121				2	76	9	2				128
3	Huyện Tam Đường	168	125	43	109	1	5	162	4	1	24		133	6		6	137	25	42	116	10		29	125	3	2		15	81	21				2	164
4	TP. Lai Châu	96	54	42	35		4	92	2		7		79	8			70	18	12	65	19		18	69	2		1	6	62	16		1	1	2	92
5	Huyện Phong Thổ	238	197	41	190	1	3	234	3	1	51	1	171	11		6	211	21	49	181	8		44	175		2	1	16	130	19	1				220
6	Huyện Sìn Hồ	308	262	46	273		8	300	9		62	8	228	1		1	260	25	92	207	9		58	229				17	132	25					305
7	Huyện Nậm Nhùn	141	106	35	121	1	5	135	4		24	1	108	4		4	116	20	23	109	9		8	119				6	71	10					132
8	Huyện Mường Tè	196	158	38	178	1	10	185	10	1	18	2	153	12		10	158	25	30	160	6		14	164		1		13	80	11	1	1		2	191
II	Ban Thường vụ	437	405	32	299		1	436			65	2	325	45			276	161	71	293	73		65	349	3	2	1	26	221	77	1	1		6	409
1	Huyện Than Uyên	48	41	7	27			48			2	1	37	8			25	23	3	36	9		5	38	1	1		4	31	5				2	47
2	Huyện Tân Uyên	35	33	2	17			35					30	5			17	18	2	22	11			35					24	6					35
3	Huyện Tam Đường	50	46	4	25			50			7		38	5			28	22	9	33	8		7	41	1	1		3	22	11				2	49
4	TP. Lai Châu	26	23	3	5			26					20	6			9	17	1	8	17		6	19	1			2	13	10				1	26
5	Huyện Phong Thổ	78	75	3	57			78			21		49	8			59	19	19	51	8		20	50			1	5	40	13	1				62
6	Huyện Sìn Hồ	96	94	2	84		1	95			22	1	72	1			74	22	20	67	9		23	70				7	39	17					95
7	Huyện Nậm Nhùn	40	35	5	28			40			6		31	3			22	18	7	25	8		1	36				2	20	6					34
8	Huyện Mường Tè	64	58	6	56			64			7		48	9			42	22	10	51	3		3	60				3	32	9		1		1	61

ỦY VIÊN ỦY BAN KIỂM TRA CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NHIỆM KỲ 2020-2025

STT	Tên đảng bộ trực thuộc tỉnh	Tổng số	Chủ nhiệm UBKT (Chức danh kiêm nhiệm)	Phó Chủ nhiệm UBKT (Chức danh kiêm nhiệm)	Ủy viên UBKT (Chức danh kiêm nhiệm)
1	Huyện Than Uyên	40	12	10	18
2	Huyện Tân Uyên	30	9	3	18
3	Huyện Tam Đường	34	13		21
4	TP. Lai Châu	30	7	4	19
5	Huyện Phong Thổ	65	17	9	39
6	Huyện Sìn Hồ	66	22	22	22
7	Huyện Nậm Nhùn	31	10	11	10
8	Huyện Mường Tè	47	14	12	21
TỔNG		343	104	71	168